

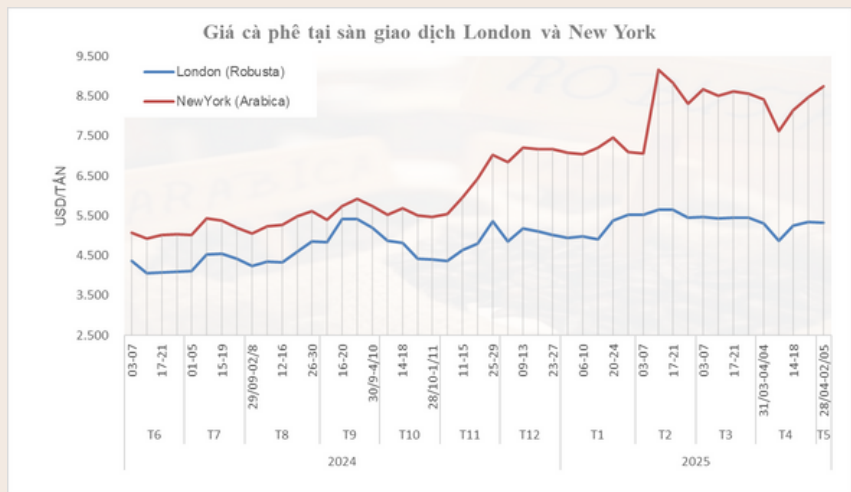
NGÀNH HÀNG CÀ PHÊ

www.thitruongnongsan.gov.vn

ĐIỂM TIN

- Trong tuần giá cà phê trên hai sàn giao dịch London giảm nhưng giá cà phê trên sàn giao dịch New York tăng do lo ngại nguồn cung cà phê Arabica từ Brazil giảm.
- Theo Rabobank, niên vụ 2025/2026, sản lượng cà phê Arabica của Brazil giảm 13,6% so với niên vụ trước.
- Indonesia đang đối mặt với nguy cơ trở thành nước nhập khẩu cà phê khi sản xuất trong nước giảm.
- Quý I năm 2025, xuất khẩu cà phê của Colombia đạt 3,59 triệu bao loại 60 kg, tăng 20% so với cùng kỳ năm trước.

THỊ TRƯỜNG QUỐC TẾ



Nguồn: Sàn kỳ hạn ICE

THỊ TRƯỜNG CÀ PHÊ THẾ GIỚI

GIÁ CÀ PHÊ THẾ GIỚI TĂNG

Trong tuần 28/04/2025 đến 02/05/2025, giá cà phê thế giới tăng giảm trái chiều trên hai sàn giao dịch London và New York. Cụ thể, giá cà phê Robusta kỳ hạn tháng 7/2025 tại thị trường London đạt 5.317 USD/tấn, giảm 0,5% so với tuần trước và tăng 31,2% so với cùng kỳ năm 2024. Giá cao nhất trong tuần đạt 5.413 USD/tấn, giá thấp nhất trong tuần là 5.216 USD/tấn. [1]

Tại thị trường New York, giá cà phê Arabica kỳ hạn tháng 7/2025 bình quân đạt 8.733 USD/tấn, tăng 3,1% so với mức giá tuần trước, và tăng 83% so với cùng kỳ năm 2024. Giá cao nhất trong tuần đạt 9.040 USD/tấn, giá thấp nhất trong tuần là 8.480 USD/tấn.[1]

Giá cà phê Arabica tiếp tục tăng do lo ngại về nguồn cung từ Brazil giảm, nước sản xuất cà phê lớn nhất thế giới, do ảnh hưởng của thời tiết khô hạn trong những tháng trước.[2]

TỒN KHO CÀ PHÊ

Theo dữ liệu từ Sở Giao dịch Hàng hóa Liên lục địa (ICE), tính đến ngày thứ Năm của tuần trước, lượng tồn kho cà phê Robusta do ICE giám sát đã tăng lên 4.272 lô, đánh dấu mức cao nhất trong vòng hai tuần. Đồng thời, số liệu cập nhật đến ngày thứ Sáu cho thấy lượng tồn kho cà phê Arabica đạt 822.021 bao, mức cao nhất trong vòng hai tháng rưỡi (từ tháng 2 đến nay).[2]

Bên cạnh đó, chênh lệch giá giữa thị trường London (Robusta) và New York (Arabica) tiếp tục nới rộng trong phiên cuối tuần, lên tới 3.375 USD/tấn, do giá Arabica tăng mạnh trong khi Robusta giảm.[2]

BRAZIL

Theo dự báo của Rabobank, niên vụ 2025/2026, sản lượng cà phê Arabica của Brazil giảm 13,6% so với cùng kỳ niên vụ trước xuống còn 38,1 triệu bao, do thời tiết khô hạn của các vùng trồng chính. Theo Cooxupe, hợp tác xã cà phê Arabica lớn nhất Brazil, nhiệt độ cao và lượng mưa dưới mức bình thường vào tháng trước ở Brazil sẽ ảnh hưởng tiêu cực đến năng suất cà phê trong năm nay.[2]

Trong khi đó, sản lượng cà phê Robusta niên vụ 2025/2026 ước đạt 24,7 triệu bao, tăng 7,3% so với niên vụ 2024/2025. [2]

TRUNG QUỐC

Trung Quốc, vốn nổi tiếng với truyền thống trà đạo lâu đời, hiện đang chứng kiến sự phát triển mạnh mẽ của ngành cà phê, đặc biệt tại khu vực Phổ Nhĩ, tỉnh Vân Nam – nơi từng được biết đến với sản phẩm trà lên men danh tiếng. Dưới tác động của xu hướng tiêu dùng mới từ giới trẻ, nhiều nông dân tại đây đã chuyển đổi từ trồng chè sang canh tác cà phê.[3]

Cà phê thương mại bắt đầu được trồng tại Phổ Nhĩ từ thập niên 1980. Với điều kiện địa hình cao và khí hậu ôn hòa, khu vực này được đánh giá phù hợp cho phát triển cây cà phê chất lượng cao. Theo số liệu của chính phủ, Phổ Nhĩ hiện cung ứng hàng chục nghìn tấn cà phê mỗi năm cho các đô thị lớn như Bắc Kinh và Thượng Hải. Cà phê tại đây được đánh giá cao nhờ hương vị đặc trưng: vị đậm nhưng không đắng gắt, có hương hoa và trái cây nhẹ.[3]

Ngoài việc mở rộng sản xuất, người dân địa phương còn kết hợp phát triển du lịch trải nghiệm và dịch vụ ẩm thực bản địa nhằm tăng giá trị gia tăng cho sản phẩm cà phê. Chính phủ Trung Quốc đã thể hiện sự quan tâm đặc biệt tới ngành này, với cam kết hỗ trợ toàn

diện từ sản xuất đến xuất khẩu, xem đây là một phần chiến lược thúc đẩy tiêu dùng nội địa và phát triển nông nghiệp hiện đại.[3]

INDONESIA

Indonesia – quốc gia sản xuất và xuất khẩu cà phê lớn thứ tư thế giới – đang đối mặt với nguy cơ trở thành nước nhập khẩu ròng trong vòng 5 năm tới do sản lượng cà phê suy giảm trong khi nhu cầu tiêu thụ nội địa tăng mạnh. Sự phát triển của các chuỗi cà phê giá rẻ và xu hướng tiêu dùng trong nước đã khiến phần lớn sản lượng hiện nay phục vụ thị trường nội địa, làm giảm đáng kể lượng cà phê xuất khẩu.[4]

Nguyên nhân chính của tình trạng này bao gồm giá phân bón tăng cao, già hóa lực lượng lao động nông nghiệp, ảnh hưởng của biến đổi khí hậu và năng suất thấp (chỉ đạt 585 kg/ha, bằng 1/4 của Việt Nam). Đa số nông dân là hộ nhỏ lẻ, gặp khó khăn trong tiếp cận vốn, giống và trợ cấp kỹ thuật.

Chính phủ Indonesia đã đưa ra các biện pháp khắc phục như mở rộng tái canh, cung cấp giống mới và đưa cà phê vào diện trợ cấp phân bón từ năm 2025. [4]

UNGADA

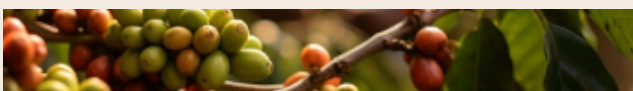
Theo Bộ Nông nghiệp Uganda, kim ngạch xuất khẩu cà phê của quốc gia này đã tăng đáng kể trong các tháng gần đây, chủ yếu nhờ giá cà phê toàn cầu duy trì ở mức cao và sự đóng góp của các lô cây cà phê mới bước vào giai đoạn thu hoạch.[5]

Tính trong niên vụ 2024/2025 (kết thúc vào tháng 3/2025), Uganda đã ghi nhận doanh thu 1,8 tỷ USD từ xuất khẩu cà phê, tăng mạnh so với mức khoảng 1 tỷ USD trong cùng kỳ năm trước.[5]

COLOMBIA

Trong Quý I năm nay, xuất khẩu cà phê của Colombia đạt 3,59 triệu bao loại 60 kg, tăng 20% so với cùng kỳ năm trước và đánh dấu mức cao nhất trong cùng kỳ 5 năm trở lại đây.[5]

Theo ông Germán Bahamón, Giám đốc điều hành Liên đoàn Những người trồng cà phê Quốc gia Colombia (FNC), kết quả này phản ánh sự phục hồi năng lực cạnh tranh của cà phê Colombia trên thị trường quốc tế, bất chấp những thách thức về hậu cần và bất ổn địa chính trị.[5]

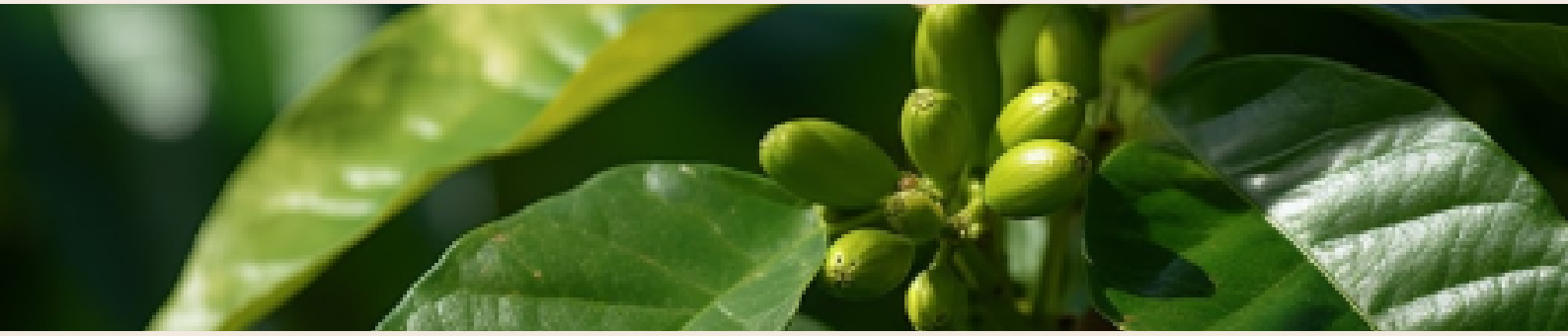


GUATEMALA

Theo báo cáo mới nhất từ Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ (USDA), dự báo sản lượng cà phê của Guatemala trong niên vụ 2024–2025 (tháng 10/2024 – tháng 9/2025) đã được điều chỉnh tăng 3,10%, đạt tổng cộng 3,53 triệu bao (loại 60 kg), chủ yếu là cà phê Arabica chế biến ướt chất lượng cao.[6]

Sản lượng trong niên vụ tiếp theo (2025–2026) dự kiến duy trì ổn định ở mức 3,54 triệu bao, trong đó ước tính khoảng 3,21 triệu bao sẽ được xuất khẩu. Lượng tồn kho chuyển sang đầu niên vụ mới được đánh giá ở mức thấp, khoảng 12.000 bao. Mùa thu hoạch truyền thống bắt đầu từ tháng 10 hằng năm tại các vùng thấp và lan dần đến các vùng cao hơn vào cuối năm.[6]

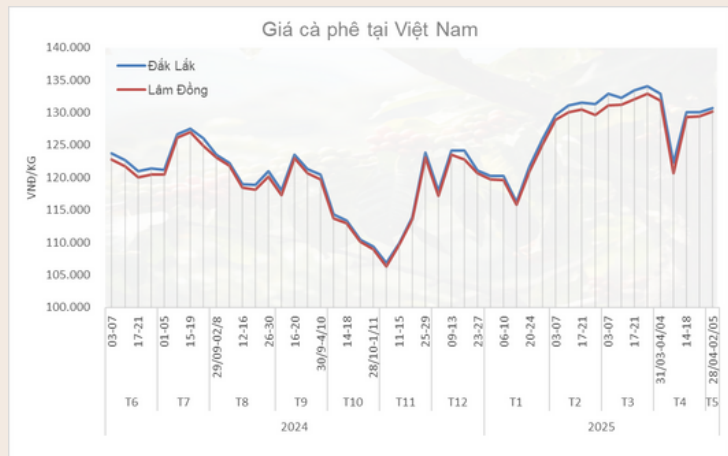
Ngoài ra, USDA đã điều chỉnh tăng 19,50% dự báo tiêu thụ nội địa cà phê trong niên vụ hiện tại, lên mức 717.000 bao. Con số này bao gồm cả cà phê hòa tan nhập khẩu và sản phẩm rang xay trong nước, với mức tăng trưởng chủ yếu đến từ sự mở rộng của các chuỗi quán cà phê và quá trình đô thị hóa, dù xuất phát điểm tiêu thụ còn tương đối thấp.[6]



ĐIỂM TIN

- Giá cà phê trong nước giảm so với tuần trước.
- Trong Quý I năm 2025, Việt Nam xuất khẩu 32.395 tấn cà phê sang thị trường Hoa Kỳ, đạt giá trị 180,3 triệu USD.
- Quý I/2025, Việt Nam xuất khẩu tổng cộng 8.070 tấn cà phê sang Thái Lan, thu về 62,6 triệu USD. Mặc dù lượng xuất khẩu giảm 30,7%, giá trị tăng 61,4% nhờ giá xuất khẩu bình quân cao.
- Cà phê mít (Liberica/Exelsa) trở thành sản phẩm được săn đón vì có hương vị độc đáo, phù hợp với xu hướng chiết xuất thủ công.

THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC



Nguồn: CTV AgroInfo

GIÁ CÀ PHÊ TĂNG TRONG TUẦN

Trong tuần 28/04/2025 đến 02/05/2025, giá cà phê tại các tỉnh Tây Nguyên không biến động nhiều so với tuần trước. Tại Đắc Lắc, giá cà phê bình quân đạt 130.713 VNĐ/kg, tăng 0,5% so với tuần trước, và giảm 1,58% so với cùng kỳ năm 2024. Giá cà phê cao nhất trong tuần đạt 130.733 VNĐ/kg. Giá cà phê thấp nhất trong tuần là 130.633 VNĐ/kg.[1]

Tại Lâm Đồng, giá cà phê trung bình đạt 130.180 VNĐ/kg, tăng 0,56% so với tuần trước, và giảm 1,66% so với cùng kỳ năm trước. Giá cà phê cao nhất trong tuần đạt 130.200 VNĐ/kg. Giá cà phê thấp nhất trong tuần là 130.100 VNĐ/kg. [1]

THỊ TRƯỜNG CÀ PHÊ TRONG NƯỚC

THỊ TRƯỜNG HOA KỲ VÀ CHIẾN LƯỢC ỨNG PHÓ CỦA NGÀNH CÀ PHÊ VIỆT NAM

Trong quý I năm 2025, Việt Nam xuất khẩu 32.395 tấn cà phê sang thị trường Hoa Kỳ, đạt giá trị 180,3 triệu USD. So với cùng kỳ năm trước, lượng xuất khẩu giảm 13%, nhưng giá trị tăng 51%, chủ yếu do giá cà phê toàn cầu ở mức cao. Quý I năm 2025, xuất khẩu cà phê của Việt Nam trong Quý I đạt 495.780 tấn (giảm 15,3%), nhưng kim ngạch tăng mạnh 45,8%, đạt 2,81 tỷ USD.[2]

Hoa Kỳ hiện là thị trường xuất khẩu cà phê lớn thứ tư của Việt Nam (sau Đức, Ý và Nhật Bản), chiếm khoảng 8% tổng giá trị xuất khẩu, với hơn 81.000 tấn cà phê được tiêu thụ trong niên vụ 2023/2024.[2]

Các doanh nghiệp Việt Nam đang đối mặt với nguy cơ cạnh tranh gia tăng khi Hoa Kỳ áp dụng thuế nhập khẩu mới đối với nông sản, bao gồm cà phê. Trước đây, cà phê nhập khẩu vào Hoa Kỳ được miễn thuế, nhưng chính sách mới đe dọa làm tăng giá cà phê ít nhất 50% tại thị trường này.[2]

Việt Nam hiện đối mặt với bất lợi về thuế so với các đối thủ như

Brazil, Colombia và Indonesia- các nước vừa có sản lượng lớn vừa được hưởng ưu đãi thuế quan. Năm 2024, Brazil dẫn đầu xuất khẩu cà phê sang Hoa Kỳ với 8,13 triệu bao, trong khi Việt Nam và Indonesia chỉ đạt khoảng 2 triệu bao mỗi nước, chủ yếu là Robusta. Ông Đỗ Hà Nam, Chủ tịch Intimex Group – doanh nghiệp chiếm 19% thị phần xuất khẩu cà phê của Việt Nam – nhấn mạnh tầm quan trọng của việc duy trì năng lực cạnh tranh. Intimex đang triển khai chiến lược đa dạng hóa thị trường xuất khẩu, tập trung vào châu Âu, Trung Đông và các quốc gia có hiệp định thương mại tự do với Việt Nam.[2]

Tại Đắk Lắk – vùng sản xuất cà phê lớn nhất Việt Nam với 210.000 ha trồng cà phê, sản lượng trên 520.000 tấn/năm – Hiệp hội Cà phê Buôn Ma Thuật kêu gọi tập trung vào các thị trường có nhu cầu mạnh về Robusta như EU, Trung Quốc, Nhật Bản và Hàn Quốc.[2]



THỊ TRƯỜNG CÀ PHÊ TRONG NƯỚC

XUẤT KHẨU CÀ PHÊ VIỆT NAM SANG THÁI LAN TRONG QUÝ I/2025

Theo dữ liệu từ Cục Hải quan, trong quý I/2025, Việt Nam xuất khẩu tổng cộng 8.070 tấn cà phê sang Thái Lan, thu về 62,6 triệu USD. Mặc dù lượng xuất khẩu giảm 30,7%, giá trị tăng 61,4% nhờ giá xuất khẩu bình quân cao – đạt 7.765 USD/tấn, tăng 132,9% so với cùng kỳ.[3]

Đáng chú ý, xuất khẩu cà phê Robusta – mặt hàng chủ lực – giảm mạnh 74,3% về lượng và 55,5% về giá trị. Ngược lại, xuất khẩu cà phê Arabica và cà phê chế biến tăng trưởng đột biến, lần lượt 133,1% và 583,8%.[3]

Trong hai tháng đầu năm 2025, Thái Lan nhập khẩu tổng cộng 5.600 tấn cà phê trị giá 27,1 triệu USD từ 18 quốc gia và vùng lãnh thổ. Ngoài Lào và Việt Nam, các thị trường khác như Indonesia, Malaysia và Brazil cũng gia tăng xuất khẩu cà phê vào Thái Lan.

Trong hai tháng đầu năm 2025, Lào đã chính thức vượt Việt Nam để trở thành nhà cung cấp cà phê lớn nhất cho Thái Lan. Cụ thể, Lào xuất khẩu 3.460 tấn cà phê, thu về 13,4 triệu USD, tăng lần lượt

16,2% về lượng và 48,5% về giá trị so với cùng kỳ năm trước. Nhờ đó, thị phần cà phê của Lào tại Thái Lan tăng từ 42,2% lên 61,7%.

Trong khi đó, Việt Nam – trước đây là nguồn cung chính – chỉ xuất khẩu 1.360 tấn cà phê với giá trị 7,43 triệu USD, giảm 64,7% về lượng và 35,6% về giá trị. Thị phần của Việt Nam giảm mạnh từ 54,54% xuống còn 24,29%.[3]

CÀ PHÊ MÍT TRỞ THÀNH SẢN PHẨM ĐƯỢC SẴN ĐÓN.

Vụ thu hoạch cà phê mít (Liberica/Exelsa) thường diễn ra sau Tết và kéo dài đến đầu tháng 5 – đã kết thúc với giá thu mua cao kỷ lục: 23.000 đồng/kg cà phê tươi (chín đỏ). Do tỷ lệ chuyển đổi 10:1, giá cà phê nhân xanh tương đương 230.000 đồng/kg. Sản phẩm cà phê mít rang xay hiện được bán với giá từ 600.000 đến 1,2 triệu đồng/kg, cao hơn cả Arabica.[4]

Trái ngược với quá khứ khi cà phê mít chỉ được dùng làm nguyên liệu hòa tan và có giá trị thấp, hiện nay loại cà phê này được đánh giá cao nhờ các phương pháp chế biến

THỊ TRƯỜNG CÀ PHÊ TRONG NƯỚC

mới, áp dụng từ Arabica, tạo ra hương vị độc đáo, phù hợp với xu hướng chiết xuất thủ công.

Cà phê mít tập trung chủ yếu tại Quảng Trị và một số tỉnh Tây Nguyên, nơi trước đây cây được trồng để giữ đất, tạo bóng mát do có thân cao (có thể đạt tới 15m), khả năng chịu hạn tốt, ít sâu bệnh và không cần phân bón. Tuy nhiên, do hiệu quả kinh tế thấp trong quá khứ, nhiều diện tích đã bị chặt bỏ.[4]

Hàm lượng caffeine trong cà phê mít dao động từ 1,2% đến 1,8%, cao hơn Arabica nhưng thấp hơn Robusta, tạo ra sự cân bằng về hương vị và tác động sinh lý, phù hợp với người tiêu dùng hiện đại.[4]

HOẠT ĐỘNG QUẢNG BÁ CÀ PHÊ VIỆT TẠI THỊ TRƯỜNG ÚC.

Theo ông Nguyễn Ngọc Luận, nhà sáng lập kiêm CEO của thương hiệu Meet More, Hội Doanh nhân Việt Nam tại Úc sẽ tổ chức sự kiện “Ngày Quảng bá cà phê Việt tại Úc” sau khi lô hàng cà phê Meet More cập cảng Melbourne vào lúc 11h (giờ Việt Nam) ngày 30/4/2025. Lô hàng gồm các sản

phẩm cà phê hòa tan hương vị đặc biệt như muối biển, dừa, bạc hà và khoai môn, đã được phân phối khoảng 50% ngay sau khi cập cảng, phản ánh sức hút tích cực từ thị trường sở tại. [5]

Sau ba năm thâm nhập thị trường Úc, Meet More đã tiến hành điều chỉnh hương vị để phù hợp với thị hiếu địa phương. Cà phê muối biển và cà phê dừa hiện là hai dòng sản phẩm bán chạy nhất. Ngoài hệ thống phân phối tại các chợ và cửa hàng Việt kiều, sản phẩm đang từng bước mở rộng vào các siêu thị dành cho người tiêu dùng bản địa.[5]

Theo Cục Xuất nhập khẩu (Bộ Công Thương), trong Quý I/2025, Úc là thị trường nhập khẩu cà phê lớn thứ ba của Việt Nam với 35.248 tấn, trị giá gần 205 triệu USD. Mặc dù lượng giảm 21%, kim ngạch tăng 36% nhờ giá xuất khẩu cao. Tuy nhiên, dữ liệu từ Trung tâm Thương mại Quốc tế (ITC) cho thấy thị phần cà phê Việt tại Úc giảm từ 17% (2024) xuống còn 10% trong hai tháng đầu năm 2025, nguyên nhân chính là giá nhập khẩu từ Việt Nam tăng mạnh 85%.[5]

GIÁ CÀ PHÊ NHÂN XÔ

ĐVT: VNĐ/kg

Tỉnh/huyện	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Trung bình	Tăng/giảm
LÂM ĐỒNG	130.100	130.200	130.200	130.200	130.200	130.180	720
Di Linh	130.100	130.200	130.200	130.200	130.200	130.180	720
Lâm Hà	130.100	130.200	130.200	130.200	130.200	130.180	720
Bảo Lộc	130.100	130.200	130.200	130.200	130.200	130.180	720
ĐẮK LẮK	130.633	130.700	130.733	130.733	130.733	130.707	640
Cư M'gar	130.700	130.800	130.800	130.800	130.800	130.780	660
Ea H'leo	130.600	130.700	130.700	130.700	130.700	130.680	640
Buôn Hồ	130.600	130.700	130.700	130.700	130.700	130.680	640
ĐẮK NÔNG	130.650	130.750	130.750	130.750	130.750	130.730	650
Gia Nghĩa	130.700	130.800	130.800	130.800	130.800	130.780	660
Đắk R'lấp	130.600	130.700	130.700	130.700	130.700	130.680	640
GIA LAI	130.533	130.633	130.633	130.633	130.633	130.613	713
Chư Prông	130.600	130.700	130.700	130.700	130.700	130.680	740
Pleiku	130.500	130.600	130.600	130.600	130.600	130.580	700
La Grai	130.500	130.600	130.600	130.600	130.600	130.580	700
KON TUM	130.500	130.600	130.600	130.600	130.600	130.580	680
Đắk Hà	130.500	130.600	130.600	130.600	130.600	130.580	680

Nguồn: CTV Agroinfo, Giacaphe.com

TÀI LIỆU THAM KHẢO

THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

[1]: <https://www.investing.com>[2]: giacaphe.com[3]: [Doanh nghiệp & Kinh doanh](#)[4]: asia.nikkei.com[5]: vietnambiz.vn[6]: [I. & M. Smith \(Pty\) Ltd.](#)

THỊ TRƯỜNG VIỆT NAM

[1]: Cộng tác viên tại Tây Nguyên

[2]: vir.com.vn[3]: <https://vietnamnet.vn>[4]: baogialai.com.vn

Hệ thống thông tin thị trường cho một số ngành hàng nông sản chiến lược - gạo, cà phê và rau quả

ĐƠN VỊ THỰC HIỆN:

TRUNG TÂM THÔNG TIN VÀ DỊCH VỤ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: 16. Thụy Khuê, Tây Hồ, Hà Nội

Email: info@agro.gov.vn; Website: www.agro.gov.vn